

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHƯỚC LONG
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 18 – 8 – 2020
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG – TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến Ly

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phan Văn Chiêu**

2. Bà **Dương Thị Tú Phương**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Tạ Văn Cung** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà **Đoàn Vũ Loan** – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 88/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2020/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Danh Thị Ngọc T**, sinh năm 1988; Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. (*Vắng mặt*)

2. *Bị đơn:* Anh **Huỳnh Văn L**, sinh năm 1987; Địa chỉ: ấp B, xã A, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. (*Vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 26 tháng 02 năm 2020, lời khai có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Danh Thị Ngọc T trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh L tự nguyện sống chung từ năm 2007, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 09/10/2012. Vợ chồng chị đã ly thân từ năm 2017 đến nay do thường xuyên mâu thuẫn, sống chung không hợp nhau, không còn tình cảm. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh L.

Về con chung: Chị và anh L có một người con chung là Huỳnh Kim L1, sinh ngày 18/11/2008, hiện đang sống với anh L. Chị yêu cầu giao con chung cho anh L tiếp tục nuôi dưỡng và chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn anh Huỳnh Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên Tòa án không lấy được lời khai.**

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long phát biểu ý kiến:**

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự; Đối với nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn chưa chấp hành quy định tại khoản 15, 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh L có đăng ký kết hôn theo quy định nên hôn nhân giữa chị T và anh L là hợp pháp. Quá trình sống chung chị T và anh L thường xuyên mâu thuẫn và đã ly thân, anh L không có ý kiến gì đối với yêu cầu của chị T và cũng không có thiện chí hàn gắn hôn nhân. Căn cứ theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của chị T được ly hôn với anh L.

+ Về con chung: Giao cháu Huỳnh Kim L1, sinh ngày 18/11/2008 cho anh L được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

+ Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Chị T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh L, anh L đang cư trú trên địa bàn huyện P nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Phước Long thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền. Anh L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, chị T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt chị T và anh L là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh L tự nguyện sống chung từ năm 2007 và có đăng ký kết hôn đúng theo quy định. Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị T

và anh L là hôn nhân hợp pháp, tuy nhiên chị T và anh L đã ly thân từ năm 2017 đến nay nhưng hai bên không có hành động gì để hàn gắn quan hệ hôn nhân, trong khi đó việc hai bên đã ly thân trong một thời gian dài là thực tế có xảy ra. Xét thấy theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau nhưng chị T và anh L không sống chung với nhau trong một thời gian dài mà hai bên không có hành động gì để hàn gắn quan hệ hôn nhân, mặc khác Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng anh L không đến, như vậy anh L đã bỏ mặc quan hệ hôn nhân này. Từ đó cho thấy hôn nhân của chị T và anh L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ theo Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T được ly hôn với anh L.

[4] Về con chung: Căn cứ theo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của chị T thì chị T và anh L có một người con chung là Huỳnh Kim L1, sinh ngày 18/11/2008, hiện đang sống với anh L. Chị T yêu cầu giao con chung cho anh L tiếp tục nuôi dưỡng. Do đó căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, để bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của cháu L1, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T: Giao cháu Huỳnh Kim L1, sinh ngày 18/11/2008 cho anh L được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[5] Về cấp dưỡng: Chị T và anh L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản: Chị T và anh L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Từ những nhận định trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Anh L không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Danh Thị Ngọc T được ly hôn với anh Huỳnh Văn L.

2. Về con chung:

Giao cháu Huỳnh Kim L1, sinh ngày 18/11/2008 cho anh Huỳnh Văn L được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị Danh Thị Ngọc T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng: Chị Danh Thị Ngọc T và anh Huỳnh Văn L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị Danh Thị Ngọc T và anh Huỳnh Văn L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Danh Thị Ngọc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không có giá ngạch là 300.000 đồng. Chị T đã dự nộp số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004720 ngày 11/3/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long nên được chuyển sang thu án phí.

Anh Huỳnh Văn L không phải chịu án phí.

5. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phước Long;
- Chi cục THADS huyện Phước Long;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Yến Ly